

BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN CỦA KHÁCH HÀNG TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG - THỰC TRẠNG VÀ YÊU CẦU HOÀN THIỆN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

ĐỖ NGUYỄN ÁNH MINH
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB)

Nhận bài ngày 10/11/2025. Sửa chữa xong 30/12/2025. Duyệt đăng 23/01/2026.

Abstract

This article analyzes the legal framework governing the protection of customers' personal data in banking activities in Vietnam, particularly in light of the newly enacted Law on Personal Data Protection and the accelerating process of digital transformation. The expansion of digital banking services has significantly increased both the volume and sensitivity of personal data processed by financial institutions, thereby heightening the risks of data breaches, fraud, and unlawful appropriation of assets. Despite recent legislative developments, the regulatory framework still exhibits several shortcomings, including overlapping legal provisions, insufficient guidance on cross-border data transfers, and the lack of clearly defined responsibilities for third-party service providers within the digital banking ecosystem. Accordingly, the article proposes key directions for improving the legal framework to enhance the protection of customers' privacy rights while ensuring the safety, stability, and sustainable development of the banking system in the digital era.

Keywords: Banking customers, banking law, digital banking, digital transformation, information security, personal data protection.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số đang tạo ra những thay đổi sâu rộng trong hoạt động của ngành Ngân hàng tại Việt Nam. Các dịch vụ ngân hàng số như định danh điện tử, thanh toán trực tuyến, mở tài khoản online, cho vay dựa trên dữ liệu số và tích hợp hệ sinh thái tài chính - công nghệ đã làm gia tăng khối lượng dữ liệu cá nhân (DLCN) của khách hàng được thu thập, lưu trữ và xử lý bởi các ngân hàng. DLCN trong lĩnh vực ngân hàng mang tính nhạy cảm đặc biệt do không chỉ liên quan đến thông tin định danh mà còn phản ánh tình trạng tài chính, lịch sử giao dịch và thói quen tiêu dùng của khách hàng. Do đó, rủi ro lộ lọt dữ liệu có thể dẫn tới hậu quả nghiêm trọng như chiếm đoạt tài sản, giả mạo danh tính, đánh cắp tài khoản hoặc thao túng giao dịch tài chính. Trong bối cảnh đó, việc bảo vệ DLCN trở thành yêu cầu bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng nhằm bảo đảm quyền riêng tư của khách hàng, duy trì ổn định tài chính và củng cố niềm tin vào hệ thống ngân hàng. Pháp luật Việt Nam thời gian qua đã có nhiều bước tiến quan trọng, đặc biệt với sự ra đời của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP và mới đây là Luật Bảo vệ DLCN năm 2025. Tuy nhiên, việc áp dụng trong thực tiễn còn bộc lộ một số hạn chế như chồng chéo pháp lý, thiếu hướng dẫn kỹ thuật, khó khăn trong tuân thủ đối với bên thứ ba và hạn chế trong giám sát. Bài viết tập trung phân tích thực trạng pháp luật hiện hành, đánh giá việc thực thi trong ngành Ngân hàng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật.

2. Khái quát về dữ liệu cá nhân trong hoạt động ngân hàng

Theo Quy định chung về bảo vệ dữ liệu của Liên minh Châu Âu năm 2016 (General Data Protection Regulation - GDPR) của EU, DLCN được định nghĩa là: "Bất kỳ thông tin nào liên quan đến một cá nhân, có thể xác định hoặc nhận dạng trực tiếp hoặc gián tiếp, bằng cách tham chiếu thông qua một mã định danh như tên, số chứng minh nhân dân, dữ liệu vị trí, số tài khoản ngân hàng mà những dữ liệu này liên quan

Email: minhdna@mmbank.com.vn

tới một hoặc nhiều yếu tố cụ thể như vật lý, sinh lý, sinh trắc học, tinh thần, kinh tế, văn hóa hoặc xã hội của người tự nhiên đó” (Khoản 1 Điều 9 GDPR). Luật Bảo vệ DLCN 2025 định nghĩa “DLCN” là “dữ liệu số hoặc thông tin dưới dạng khác xác định hoặc giúp xác định một con người cụ thể” (Khoản 1 Điều 2 Luật Bảo vệ DLCN). Cách hiểu này nhìn chung tương đồng với quy định của GDPR, theo đó DLCN được coi là thông tin gắn với một cá nhân cụ thể hoặc có thể dùng để nhận diện, xác định người đó. Trong lĩnh vực ngân hàng, DLCN không chỉ bao gồm tên, địa chỉ, số định danh cá nhân mà còn bao gồm thông tin tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, giao dịch (Khoản 3, 4, 5, 6 Điều 3 Nghị định 117/2018/NĐ-CP). Đây là các dữ liệu có mức độ nhạy cảm cao và thường gắn liền với nguy cơ gian lận tài chính. Đặc thù hoạt động ngân hàng khiến DLCN được xử lý ở mức độ sâu, trong thời gian dài và qua nhiều chủ thể khác nhau bao gồm ngân hàng, nhà cung cấp dịch vụ công nghệ, công ty tài chính, đối tác ví điện tử, hệ thống thanh toán quốc gia và quốc tế. Điều này làm tăng rủi ro lộ lọt và đặt ra yêu cầu nghiêm ngặt về quản trị dữ liệu, bảo mật thông tin và giám sát tuân thủ. Trong chuyển đổi số, ngân hàng triển khai các mô hình kinh doanh dựa trên dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, các công nghệ này đòi hỏi dữ liệu được chia sẻ và xử lý tự động từ đó làm tăng nhu cầu hoàn thiện cơ sở pháp lý về bảo vệ DLCN.

3. Thực trạng pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động ngân hàng

3.1. Một số kết quả đạt được

Pháp luật Việt Nam hiện nay điều chỉnh vấn đề về DLCN thông qua nhiều văn bản ở các cấp độ khác nhau. Hiến pháp 2013 đặt ra nguyên tắc cơ bản về quyền riêng tư và bảo vệ DLCN của mỗi công dân tại Điều 21: “1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn”. Như vậy, Hiến pháp đã nhấn mạnh vai trò thiết yếu của việc bảo vệ thông tin cá nhân, đồng thời đặt ra một nền tảng pháp lý ở tầm hiến định nhằm bảo đảm quyền riêng tư và sự an toàn dữ liệu của mỗi công dân. Quy định về DLCN còn được thể hiện tại các văn bản pháp lý khác như Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật An toàn thông tin mạng năm 2015, Luật An ninh mạng năm 2018, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và tập trung tại các văn bản quy phạm pháp luật như: Nghị định số 53/2022/NĐ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng; Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ DLCN (Nghị định 13/2023/NĐ-CP) và mới đây nhất là Luật Bảo vệ DLCN. Các văn bản này được coi là khung pháp lý quan trọng trong việc điều chỉnh vấn đề về bảo vệ DLCN tại Việt Nam hiện nay.

Đối với lĩnh vực ngân hàng, do có những đặc thù trong quá trình tiến hành hoạt động, vấn đề bảo vệ DLCN cũng được điều chỉnh riêng tại Nghị định số 117/2018/NĐ-CP ngày 11/9/2018 của Chính phủ về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Thông tư số 50/2024/TT-NHNN ngày 31/10/2024 quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành Ngân hàng trong đó nêu rõ, đơn vị phải áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu khách hàng. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP lần đầu tiên thiết lập cơ chế toàn diện về bảo vệ DLCN với các nguyên tắc minh bạch, mục đích xác định, hạn chế truy cập, bảo đảm an ninh và đánh giá tác động xử lý dữ liệu. Tuy nhiên, có thể thấy sự thiếu thống nhất giữa Nghị định số 117/2018/NĐ-CP và Nghị định số 13/2023/NĐ-CP dẫn đến khó khăn trong áp dụng. Chẳng hạn, phạm vi thông tin khách hàng theo Nghị định số 117 rộng hơn DLCN theo Nghị định số 13, khiến các TCTD lúng túng trong việc xác định nghĩa vụ thông báo và đồng ý của khách hàng.

Thứ nhất, để khắc phục sự mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật ngang cấp, Luật Bảo vệ DLCN năm 2025 hoàn thiện hơn các quy định về quyền của chủ thể dữ liệu, trách nhiệm của đơn vị xử lý và cơ chế giám sát. Trong đó bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, hoạt động thông tin tín dụng, đó là: 1) Thực hiện đầy đủ quy định về bảo vệ DLCN nhạy cảm, các tiêu chuẩn an toàn, bảo mật trong hoạt động tài chính, ngân hàng theo quy định của pháp luật; 2) Không sử dụng thông tin tín dụng của chủ thể DLCN để chấm điểm, xếp hạng tín dụng, đánh giá thông tin tín dụng, đánh giá mức độ tín nhiệm về tín dụng của chủ thể DLCN khi chưa có sự

đồng ý; 3) Chỉ thu thập những DLCN cần thiết phục vụ cho hoạt động thông tin tin dụng từ các nguồn phù hợp; 4) Thông báo cho chủ thể DLCN trong trường hợp lộ, mất thông tin về tài khoản ngân hàng, tài chính, tin dụng, thông tin tin dụng (Khoản 1, Điều 27 Luật bảo vệ DLCN).

Luật Bảo vệ DLCN đã quy định chi tiết hơn về sự đồng ý của chủ thể dữ liệu. Khoản 2 Điều 9 Luật Bảo vệ DLCN quy định sự đồng ý của chủ thể dữ liệu chỉ có hiệu lực khi chủ thể dữ liệu tự nguyện và biết rõ 3 nội dung sau: 1) Loại DLCN được xử lý, mục đích xử lý DLCN; 2) Bên kiểm soát DLCN hoặc bên kiểm soát và xử lý DLCN; 3) Các quyền, nghĩa vụ của chủ thể DLCN. Mặc dù Nghị định 13/2023/NĐ-CP không quy định rõ nghĩa vụ bảo đảm sự đồng ý của chủ thể dữ liệu thuộc về bên nào, tuy nhiên theo quy định tại Luật Bảo vệ DLCN có thể hiểu rằng nghĩa vụ này đang đặt ra cho Bên kiểm soát hoặc Bên kiểm soát và xử lý DLCN. Như vậy, các TCTD có trách nhiệm bảo đảm rằng việc thu thập DLCN của khách hàng chỉ được thực hiện khi đã có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu với đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật.

Nguyên tắc về sự đồng ý được xem là nền tảng trung tâm trong hoạt động xử lý DLCN. Theo đó, DLCN chỉ được phép xử lý khi chủ thể dữ liệu đã bày tỏ sự chấp thuận một cách rõ ràng, cụ thể và hoàn toàn tự nguyện, trên cơ sở được thông tin đầy đủ về mục đích cũng như phạm vi xử lý dữ liệu. Đồng thời, chủ thể dữ liệu luôn có quyền rút lại sự đồng ý của mình tại bất kỳ thời điểm nào theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tại Dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Bảo vệ DLCN đã quy định cụ thể các phương thức xin sự đồng ý của chủ thể dữ liệu, bảo đảm khả năng kiểm chứng tính chính xác và trách nhiệm của chủ thể dữ liệu sau khi đồng ý. Có 05 phương thức gồm: văn bản; giọng nói; tin nhắn; thư điện tử hoặc nền tảng, ứng dụng có thiết lập kỹ thuật xin sự đồng ý và các phương thức khác có thể xác thực được. Tuy nhiên, đối với các ngân hàng có lượng giao dịch lớn, việc chứng minh rằng khách hàng đã “tự nguyện và nhận thức đầy đủ” nội dung đồng ý tương đối khó khăn khi phát sinh tranh chấp (Khoản 2 Điều 6 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ DLCN). Tuy nhiên, Luật Bảo vệ DLCN vẫn chưa làm rõ yếu tố “tự nguyện” trong sự đồng ý của chủ thể dữ liệu được hiểu theo tiêu chí nào. Việc chỉ căn cứ vào chữ ký hoặc sự xác nhận của khách hàng theo các điều khoản do tổ chức tin dụng đơn phương soạn thảo để đánh giá tính hợp lệ của sự đồng ý có thể dẫn đến bất lợi cho chủ thể dữ liệu. Thêm nữa, việc lồng ghép điều khoản đồng ý vào hợp đồng mà không cho phép lựa chọn khác hoặc yêu cầu phải đồng ý mới được sử dụng dịch vụ có thể bị xem là vi phạm nguyên tắc tự nguyện [4, tr. 7-8], [9, tr. 19-24].

Thứ hai, trong một thời gian dài, hệ thống pháp luật Việt Nam chưa có quy định đầy đủ và thống nhất về hoạt động chuyển DLCN xuyên biên giới. Trước khi Nghị định 13/2023/NĐ-CP được ban hành, vấn đề này chỉ xuất hiện rải rác và mang tính khái quát trong một số văn bản pháp luật như Luật Công nghệ thông tin năm 2006, Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 hay Luật An ninh mạng năm 2018. Chỉ đến khi Nghị định 13/2023/NĐ-CP có hiệu lực, Việt Nam mới chính thức thiết lập một khung pháp lý tương đối toàn diện, thống nhất và có tính khả thi cao đối với hoạt động chuyển DLCN ra nước ngoài. Tiếp đó, sự ra đời của Luật Bảo vệ DLCN đã tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý bằng việc bổ sung các trường hợp được phép chuyển dữ liệu xuyên biên giới và các trường hợp không phải thực hiện đánh giá tác động chuyển DLCN xuyên biên giới, cũng như quy định chi tiết hơn về điều kiện, trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ đánh giá tác động xử lý DLCN. Sự kế thừa và phát triển từ Nghị định 13 đến Luật Bảo vệ DLCN cho thấy Việt Nam đang từng bước tiệm cận với các chuẩn mực bảo vệ dữ liệu quốc tế, đáp ứng yêu cầu của bối cảnh hội nhập sâu rộng và chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay.

Ngoài hai trường hợp chuyển DLCN xuyên biên giới đã được quy định tại Nghị định 13/2023/NĐ-CP, Luật Bảo vệ DLCN đã bổ sung trường hợp thứ ba đó là việc chuyển DLCN đang lưu trữ tại Việt Nam đến hệ thống lưu trữ dữ liệu đặt ngoài lãnh thổ Việt Nam. Việc quy định phạm vi chuyển DLCN xuyên biên giới rộng hơn đã tạo nên sự thuận lợi cho các chủ thể trong quá trình chia sẻ thông tin. Tuy nhiên, Luật Bảo vệ DLCN xác định lại mốc thời hạn mà tổ chức, cá nhân chuyển DLCN xuyên biên giới phải lập hồ sơ đánh giá tác động chuyển DLCN xuyên biên giới và gửi 01 bản chính cho cơ quan chuyên trách bảo vệ DLCN là 60 ngày kể từ “ngày đầu tiên chuyển DLCN xuyên biên giới”, thay cho “ngày tiến hành xử lý DLCN” để tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong thực hiện và phù hợp với thực tế (Khoản 1 Điều 21 Luật Bảo vệ DLCN).

3.2. Một số bất cập về bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng trong bối cảnh chuyển đổi số của ngân hàng

Thứ nhất, hiệu quả trong việc triển khai và tuân thủ các biện pháp bảo vệ DLCN tại các ngân hàng

thương mại trên thực tế còn chưa tương xứng với yêu cầu pháp lý. Thực tiễn đã cho thấy tình trạng lỗ hổng bảo mật nghiêm trọng, khi hàng loạt sự cố lộ lọt, mua bán thông tin khách hàng xảy ra, dẫn đến thất thoát tài sản và gây ra sự lo lắng, suy giảm niềm tin của khách hàng đối với giao dịch trực tuyến. Ví dụ điển hình về lỗ hổng bảo mật nghiêm trọng trong hệ thống tài chính Việt Nam đó là vào ngày 11/09/2025, Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia (CIC) thuộc Ngân hàng Nhà nước bị cáo buộc trở thành nạn nhân của một cuộc tấn công mạng quy mô lớn. Cụ thể, nhóm tin tặc có tên Shiny Hunters đã công bố việc chiếm đoạt và rao bán hơn 160 triệu hồ sơ dữ liệu với mức giá khoảng 175.000 USD trên các diễn đàn ngầm, trong đó ước tính phạm vi ảnh hưởng của vụ việc có thể bao trùm gần như toàn bộ dân số Việt Nam [6]. Sự cố này là một minh chứng rõ ràng cho tính cấp bách của việc củng cố pháp luật và năng lực bảo mật trong các cơ quan nắm giữ dữ liệu trọng yếu của quốc gia.

Thứ hai, việc tuân thủ các quy định về bảo vệ DLCN đang tạo ra những áp lực lớn về mặt vận hành và công nghệ đối với các TCTD. Khó khăn đáng kể nhất xuất phát từ việc Luật Bảo vệ DLCN vừa được ban hành tuy nhiên chưa có Nghị định hướng dẫn thi hành khiến các ngân hàng gặp khó khăn trong việc áp dụng trên thực tế. Bên cạnh đó, yêu cầu nâng cấp hạ tầng công nghệ nhằm đáp ứng các chuẩn mực mới về bảo vệ DLCN đòi hỏi sự đầu tư lớn về nguồn lực tài chính và nhân sự, qua đó tạo ra áp lực đáng kể đối với các ngân hàng trong quá trình tuân thủ pháp luật. Nếu thiếu các hướng dẫn chi tiết và một lộ trình triển khai hợp lý hơn, việc áp dụng Luật Bảo vệ DLCN có nguy cơ gây gián đoạn hoạt động, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, và gia tăng rủi ro tuân thủ cho toàn hệ thống.

Thứ ba, trong thực tiễn, ngành Ngân hàng đang phải đối mặt với không ít thách thức trong quá trình tuân thủ các yêu cầu liên quan đến việc xin ý kiến chấp thuận và thực hiện nghĩa vụ thông báo trước khi tiến hành xử lý DLCN. Theo quy định của Luật Bảo vệ DLCN và Nghị định 13/2023/NĐ-CP, bên kiểm soát dữ liệu và bên xử lý dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm việc thu thập được sự đồng ý của chủ thể dữ liệu đối với các hoạt động xử lý dữ liệu, đồng thời phải thực hiện nghĩa vụ thông báo trước khi tiến hành xử lý DLCN. Các quy định này được thiết kế nhằm bảo đảm quyền tự quyết cũng như khả năng kiểm soát dữ liệu của cá nhân đối với thông tin liên quan đến mình. Tuy nhiên, trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, quá trình cung cấp sản phẩm và dịch vụ thường bao gồm nhiều quy trình phức tạp, mỗi quy trình lại bao hàm nhiều bước xử lý DLCN khác nhau, như thu thập thông tin khách hàng, đánh giá tín dụng, phân tích rủi ro, xác thực danh tính và chia sẻ dữ liệu với các đối tác (bảo hiểm, công ty tài chính,...). Kết hợp với số lượng khách hàng khổng lồ, việc thu thập sự đồng ý và thông báo cho từng cá nhân trước mỗi bước xử lý trở nên khó khả thi trong thực tiễn. Thực tiễn này không chỉ làm gia tăng chi phí vận hành, do yêu cầu đầu tư bổ sung vào hệ thống quản lý dữ liệu và nguồn nhân lực giám sát mà còn có nguy cơ kéo dài đáng kể thời gian cung ứng dịch vụ, từ đó tác động trực tiếp đến trải nghiệm cũng như quyền lợi của khách hàng.

4. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng trong bối cảnh chuyển đổi số của ngân hàng

4.1. Xây dựng và ban hành Nghị định hướng dẫn quy định chi tiết một số điều về Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân

Trong thực tiễn, việc thực hiện các nghĩa vụ phát sinh trong quá trình xử lý DLCN, như lập hồ sơ đánh giá tác động xử lý DLCN, đánh giá tác động của việc chuyển DLCN ra nước ngoài cũng như nghĩa vụ thông báo khi xảy ra vi phạm về bảo vệ DLCN vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Mặc dù việc rà soát, điều chỉnh quy trình làm việc và các chính sách nội bộ nhằm bảo đảm sự phù hợp với các quy định về bảo vệ DLCN đã bước đầu được quan tâm, song mức độ triển khai trên thực tế vẫn còn hạn chế. Đồng thời, việc cung cấp và áp dụng các giải pháp kỹ thuật phục vụ bảo vệ DLCN chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đặt ra, trong khi các tiêu chí đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả của các giải pháp kỹ thuật này vẫn chưa được xác lập một cách rõ ràng. Những hạn chế và bất cập nêu trên trong quá trình tuân thủ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP được kỳ vọng sẽ từng bước được khắc phục thông qua việc cụ thể hóa và quy định chi tiết hơn các nội dung có liên quan trong Luật Bảo vệ DLCN, theo hướng bảo đảm tính đầy đủ, rõ ràng và khả thi trong thực thi. Do đó, khi Luật Bảo vệ DLCN có hiệu lực sẽ tạo cơ sở pháp lý vững chắc

ghi nhận các quyền của công dân đối với DLCN cần các quy định chi tiết để hoàn thiện cơ chế thực thi bảo vệ các quyền công dân. Việc xây dựng Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ DLCN nhằm hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các quy định của Luật, qua đó tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý cho công tác bảo vệ DLCN và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Thông qua đó, Nghị định được kỳ vọng sẽ phát huy đầy đủ giá trị và ý nghĩa thực tiễn của Luật Bảo vệ DLCN, đồng thời góp phần nâng cao năng lực bảo vệ DLCN của các tổ chức, cá nhân trong nước theo hướng tiệm cận các chuẩn mực khu vực và quốc tế cũng như thúc đẩy việc sử dụng DLCN đúng quy định pháp luật nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

4.2. Xây dựng một hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng trong quá trình chuyển đổi số ngành Ngân hàng một cách thống nhất, chặt chẽ và đồng bộ

Để pháp luật đi vào thực tiễn một cách hiệu quả, không thể chỉ dừng lại ở các quy định mang tính nguyên tắc chung, mà cần phải có một văn bản chuyên ngành điều chỉnh riêng biệt cho lĩnh vực đặc thù như ngân hàng - nơi DLCN không chỉ là một phần thiết yếu trong hoạt động vận hành mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn tài chính của từng cá nhân và tổ chức. Do đó, việc NHNN cần ban hành các văn bản hướng dẫn một cách cụ thể và chi tiết bảo đảm hoạt động ngân hàng trong bối cảnh số hóa là một yêu cầu vô cùng cấp thiết.

4.3. Rà soát và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan

Việc tiến hành rà soát và hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan được xem là điều kiện mang tính nền tảng nhằm bảo đảm Luật Bảo vệ DLCN được triển khai hiệu quả trong thực tiễn. Theo đó, các văn bản pháp luật chuyên ngành cần được sửa đổi, bổ sung một cách phù hợp để hình thành một khuôn khổ pháp lý thống nhất, qua đó khắc phục tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo giữa các quy định hiện hành và xử lý những khoảng trống pháp lý còn tồn tại. Cụ thể, Luật Các tổ chức tín dụng 2024 cần được hoàn thiện theo hướng quy định rõ ràng hơn về trách nhiệm của ngân hàng trong việc bảo vệ DLCN, bao gồm yêu cầu áp dụng các biện pháp kỹ thuật như mã hóa dữ liệu, cơ chế xác thực đa yếu tố đối với giao dịch trực tuyến cũng như nghĩa vụ thông báo khi xảy ra sự cố vi phạm dữ liệu trong một thời hạn nhất định. Đồng thời, Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 cũng cần được sửa đổi, bổ sung nhằm làm rõ hơn các cơ chế phòng ngừa và xử lý sự cố an ninh mạng có liên quan đến DLCN. Bên cạnh đó, Luật Giao dịch điện tử 2023 và Luật An ninh mạng 2018 cần được bổ sung các nguyên tắc xử lý dữ liệu hiện đại như nguyên tắc tối thiểu hóa dữ liệu, xác định mục đích xử lý rõ ràng, và yêu cầu phải có sự đồng ý minh thị của chủ thể trước khi tiến hành xử lý DLCN. Việc hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan giúp hệ thống pháp luật trở nên nhất quán, tránh chồng chéo, tạo cơ sở vững chắc cho việc triển khai Luật Bảo vệ DLCN trong thực tiễn, đặc biệt là trong hoạt động ngân hàng [5, tr. 11].

4.4. Đối với ngành Ngân hàng cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện các quy trình quản lý đối với hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống mạng truyền thông trong lĩnh vực ngân hàng

Điều này nhằm đảm bảo rằng cơ sở hạ tầng kỹ thuật được quản lý một cách hiệu quả và an toàn, đồng thời đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao về công nghệ và an ninh. Việc sử dụng DLCN ngày càng phổ biến, để đáp ứng các yêu cầu này cần thực hiện những biện pháp nhằm xây dựng một cơ sở dữ liệu tập trung có chất lượng, tôn trọng nhu cầu nhận diện thông tin chính xác và xác thực của công dân [7]. Đồng thời, cần thiết lập các hệ thống bảo mật mang tính tổng thể nhằm bảo đảm an toàn cho người sử dụng và tăng cường bảo vệ DLCN.

5. Kết luận

Chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam vừa mở ra cơ hội nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ, vừa đặt ra những thách thức pháp lý ngày càng phức tạp đối với việc bảo vệ DLCN của khách hàng, loại dữ liệu có tính nhạy cảm cao và gắn trực tiếp với an toàn tài chính cũng như quyền riêng tư của cá nhân. Mặc dù hệ thống pháp luật Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng với sự ra đời của Luật Bảo vệ DLCN và từng bước tiệm cận các chuẩn mực quốc tế và thiết lập nền tảng pháp lý tương đối toàn diện, song thực tiễn áp dụng trong ngành Ngân hàng vẫn còn tồn tại nhiều bất cập như chồng chéo quy định, thiếu hướng dẫn chi tiết, áp lực tuân thủ lớn và hạn chế. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật

về bảo vệ DLCN trong bối cảnh chuyển đổi số ngành Ngân hàng cần được triển khai theo hướng đồng bộ, nhất quán và khả thi, thông qua việc sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành, xây dựng quy định chuyên ngành phù hợp với đặc thù hoạt động ngân hàng, rà soát và sửa đổi các luật có liên quan, đồng thời gắn kết chặt chẽ giữa yêu cầu pháp lý với năng lực quản trị dữ liệu và hạ tầng công nghệ của các tổ chức tín dụng. Chỉ khi đó, bảo vệ DLCN mới thực sự trở thành trụ cột pháp lý quan trọng, vừa bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng, vừa góp phần củng cố niềm tin, bảo đảm an toàn hệ thống và thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành Ngân hàng trong nền kinh tế số.

Tài liệu tham khảo

- [1] Chính phủ (2018). *Nghị định số 117/2018/NĐ-CP ngày 11/9/2018 về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*
- [2] Chính phủ (2025). *Nghị định số 356/2025/NĐ-CP, ngày 31/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.*
- [3] EU (2016). *General Data Protection Regulation.* <https://gdpr-info.eu/>.
- [4] European Data Protection Board (2020). *Guidelines 05/2020 on consent under Regulation 2016/67.* pp. 40
- [5] Hoàng Trung Hiếu (2025). *Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực ngân hàng – Pháp luật một số quốc gia và kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam.* Tạp chí Kinh tế - Luật và Ngân hàng, số 276, tr. 11.
- [6] HM (2025). *Chuyên gia khuyến cáo người dân sau sự cố tại CIC.* Nguồn: <https://baochinhphu.vn/chuyen-gia-khuyen-cao-nguoi-dan-sau-su-co-tai-cic-102250912152351341.htm>, truy cập ngày 07/10/2025.
- [7] Phạm Bạch Đằng (2020). *Phát triển Chính phủ điện tử ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.* Nguồn: <https://tapchitaichinh.vn/su-kien-noi-bat/phat-trien-chinh-phu-dien-tu-o-viet-nam-trong-boi-canh-cach-mang-cong-nghiep-40-329075.html>, truy cập ngày 18/10/2025.
- [8] Quốc hội (2025). *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.* Luật số 91/2025/QH15, ngày 26/6/2025.
- [9] Stephen Breen, Karim Ouazzane, and Preeti Patel (2020), *GDPR: Is your consent valid?*, Business Information Review, No. 37, pp. 19-24.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ...

Tiếp theo trang 146

3. Kết luận

Bài viết đã làm rõ vai trò và ý nghĩa quan trọng của phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị trong bối cảnh đổi mới mô hình tăng trưởng và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Qua phân tích cơ sở lý luận, chủ trương của Đảng và thực trạng phát triển kinh tế tư nhân tại TP. Cần Thơ cho thấy khu vực này đã và đang trở thành động lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng GRDP, tạo việc làm, đóng góp lớn cho ngân sách và chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương. Tuy nhiên, kinh tế tư nhân ở Cần Thơ vẫn đối mặt với nhiều hạn chế về quy mô DN, năng lực quản trị, khả năng tiếp cận nguồn lực, trình độ công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực và mức độ liên kết chuỗi giá trị. Trên cơ sở đó, bài báo đã đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ DN tư nhân tiếp cận vốn, đất đai, hạ tầng; thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; phát triển nguồn nhân lực và tăng cường liên kết DN. Việc triển khai hiệu quả các giải pháp này sẽ góp phần hiện thực hóa mục tiêu đưa kinh tế tư nhân tại Cần Thơ trở thành “động lực quan trọng nhất” của nền kinh tế địa phương, phù hợp với định hướng phát triển bền vững mà Nghị quyết 68-NQ/TW đã đề ra.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2025). *Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân.*
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tập 1).* NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [3] Mỹ Thanh (2025). *Vào năm 2030: Kinh tế tư nhân đóng góp khoảng 70-80% GRDP của thành phố Cần Thơ.* Nguồn: <https://baocantho.com.vn/vao-nam-2030-kinh-te-tu-nhan-dong-gop-khoang-70-80-grdp-cua-thanh-pho-can-tho-a189768.html>.
- [4] Phương Anh (2025). *Tháo gỡ rào cản để doanh nghiệp tư nhân Cần Thơ bứt phá.* Nguồn: <https://laodong.vn/kinh-doanh/thao-gorao-can-de-doanh-nghiep-tu-nhan-can-tho-but-pha-1585834.lido>.
- [5] Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (2025). *Kế hoạch số 31/KH-UBND thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Cần Thơ.*